

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG SỐ: 149/TB-DHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

ĐẾN Số: 165
Ngày: 28.5.18
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Tuyển sinh các khóa đào tạo liên tục về Dược lâm sàng

Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh các khóa đào tạo liên tục về Dược lâm sàng nhằm trang bị cho các dược sĩ được phân công làm công tác dược lâm sàng tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc các kỹ năng cần thiết để đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 31/2012/TT-BYT về “Hướng dẫn hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện”, đồng thời giúp các dược sĩ, bác sĩ liên tục cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực dược lâm sàng và điều trị để đáp ứng yêu cầu thực tế công việc tại đơn vị.

I. NỘI DUNG ĐÀO TẠO LIÊN TỤC VỀ DƯỢC LÂM SÀNG

Nội dung chương trình đào tạo liên tục về dược lâm sàng gồm 12 chuyên đề sau: (Mô tả chi tiết về từng nội dung xin xem văn bản đính kèm công văn)

1. Thông tin thuốc trong thực hành lâm sàng
2. Sử dụng thuốc cho đối tượng đặc biệt
3. Tương tác và tương kỵ trong sử dụng thuốc
4. Tư vấn sử dụng thuốc
5. Phân tích ca lâm sàng
6. Đánh giá sử dụng thuốc
7. Ứng dụng y học bằng chứng trong thực hành sử dụng thuốc
8. Đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện
9. Dược lý lâm sàng
10. Dược động học lâm sàng
11. Hoạt động Cảnh giác Dược và giám sát ADR trong bệnh viện
12. Kinh tế Dược và ứng dụng trong ra quyết định điều trị

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO

Các dược sĩ, bác sĩ đang công tác tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc, các đối tượng khác có nhu cầu

III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Có 2 hình thức tổ chức đào tạo:

Nhà trường sẽ mở các lớp đào tạo liên tục tập trung tại Trường theo từng chuyên đề, thời gian mở lớp theo thông báo của Trường.

Nhà trường sẽ mở lớp đào tạo liên tục tại các đơn vị ngoài Trường theo hợp đồng đào tạo. Nội dung đào tạo và thời gian mở lớp theo yêu cầu ghi trong công văn đề nghị của đơn vị gửi về Trường.

Kết thúc khóa học, học viên được cấp Chứng chỉ đào tạo liên tục, xác nhận đã hoàn thành nội dung khóa học do Trường tổ chức.

IV. ĐĂNG KÝ HỌC

Đăng ký trực tiếp hoặc gửi công văn về Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội hoặc qua email: p.saudaihoc@hup.edu.vn.

Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ: Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 38267480 hoặc 098 303 2589.

Thông tin chi tiết xem tại website: <http://www.hup.edu.vn>

V. KINH PHÍ ĐÀO TẠO

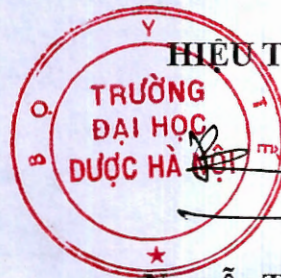
Kinh phí đào tạo được thanh toán cho Trường theo một trong hai hình thức:

- Trường hợp mở lớp tại các đơn vị ngoài Trường, thanh toán theo hợp đồng đào tạo giữa đơn vị với Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Học viên tự do đăng ký và nộp học phí tại Phòng Tài chính kế toán của Trường. Nhà trường sẽ tổ chức lớp khi đạt đủ số lượng học viên yêu cầu.

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc, các cán bộ y tế, cá nhân có nhu cầu tham dự chương trình đào tạo nói trên để kịp thời đăng ký.

Nơi nhận:

- Các Sở Y tế;
- Các đơn vị, cá nhân quan tâm;
- Ban Giám hiệu;
- Website;
- Lưu: VT, SĐH.



Nguyễn Thanh Bình

NỘI DUNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC VỀ DƯỢC LÂM SÀNG

(Kèm theo Thông báo số 140/TB-DHN ngày 10/4/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN)

1. Thông tin thuốc trong thực hành lâm sàng (Drug Information in Clinical Practice)

Thời lượng: 2 tín chỉ (32 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết trong quá trình làm công tác thông tin thuốc trên lâm sàng. Thông tư 31/2012/TT-BYT của Bộ Y tế yêu cầu dược sĩ trong thực hành dược lâm sàng phải cung cấp thông tin cho hội đồng thuốc và điều trị về việc lựa chọn thuốc trong danh mục, cung cấp thông tin thuốc cho người bệnh và cán bộ y tế. Thông tin thuốc trong thực hành lâm sàng của dược sĩ tại bệnh viện tập trung chủ yếu vào nguồn tài liệu cấp 2, cấp 3, và có hình thức trả lời phần lớn là trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, hoặc bằng văn bản.

Các kỹ năng mà người học sẽ thu nhận được bao gồm: kỹ năng xác định câu hỏi, khai thác thông tin từ người hỏi, xây dựng chiến lược tìm kiếm, tìm kiếm, tổng hợp, trả lời và lưu trữ trong các lĩnh vực khác nhau trong thực hành lâm sàng. Nguồn thông tin được tiếp cận chủ yếu là nguồn thông tin cấp 3 và một số công cụ tra cứu nhanh của nguồn thông tin cấp 2.

2. Sử dụng thuốc cho đối tượng đặc biệt (Drug Use in Special Populations)

Thời lượng: 1 tín chỉ (16 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức về ảnh hưởng của thuốc lên thai nhi và trẻ sơ sinh, các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn thuốc cho phụ nữ cho con bú và các biện pháp làm giảm nguy cơ ảnh hưởng của thuốc lên thai nhi, trẻ sơ sinh và trẻ bú mẹ khi mẹ dùng thuốc. Chuyên đề cũng hệ thống lại các lưu ý về lựa chọn thuốc và dạng bào chế, liều lượng, các biện pháp giám sát ADR và đảm bảo tuân thủ khi sử dụng thuốc cho trẻ em và người cao tuổi. Học viên sẽ được thực hành tra cứu thông tin, phát hiện vấn đề và đề xuất biện pháp can thiệp phù hợp trên ca lâm sàng cụ thể.

3. Tương tác và tương kỵ trong sử dụng thuốc (Drug Interactions and Drug Compatibilities in Therapeutics)

Thời lượng: 1 tín chỉ (16 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về tương tác thuốc, tương kỵ thuốc. Đồng thời cung cấp các cơ sở dữ liệu, tài liệu có thể sử dụng để tra cứu, kỹ năng khai thác và xử lý tình huống trong các trường hợp phát hiện vấn đề về tương tác, tương kỵ. Học viên cũng sẽ được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc triển khai triển khai các hoạt động trong bệnh viện nhằm giảm thiểu tương tác - tương kỵ thuốc.

Trong chuyên đề này, học viên được thực tập tra cứu thông tin thông qua các cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo dạng trực tuyến và không trực tuyến, kết hợp với tình huống sử dụng thuốc cụ thể trong lâm sàng.

4. Tư vấn sử dụng thuốc (Medication Counselling)

Thời lượng: 1 tín chỉ (16 giờ)

Học phần này cung cấp cho học viên quy trình tư vấn sử dụng thuốc trong các tình huống bệnh nhân có bệnh lý khác nhau, bệnh nhân có đơn thuốc mới, bệnh nhân tái khám

với phác đồ điều trị cũ. Học viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quá trình tư vấn sử dụng thuốc bao gồm khai thác thông tin bệnh nhân, tra cứu thông tin thuốc, từ đó tư vấn cho bệnh nhân về bệnh, thuốc điều trị và các biện pháp thay đổi lối sống. Học viên được thảo luận và thiết kế tờ thông tin cho bệnh nhân.

Tiếp đó, học viên được học và thực hành tra cứu thông tin, tư vấn trong các bệnh lý thường gặp trên thực tế. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ là hành trang cho học viên trong quá trình tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân khi ra viện và bệnh nhân ngoại trú tại cơ sở mình.

5. Phân tích ca lâm sàng (Medication Review - Case Study)

Thời lượng: 2 tín chỉ (32 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các nguyên tắc trong việc áp dụng các kiến thức cơ bản về sử dụng thuốc trong điều trị cũng như các hướng dẫn điều trị và các tài liệu liên quan đến thuốc, đồng thời tiếp cận được các bước theo quy trình để phân tích một ca lâm sàng, phát hiện được các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc và từ đó đề xuất được các can thiệp về được trên bệnh nhân.

6. Đánh giá sử dụng thuốc (Drug Use Evaluation)

Thời lượng: 1 tín chỉ (16 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các nguyên tắc cơ bản trong đánh giá sử dụng thuốc, nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc (đánh giá chỉ định, liều lượng-cách dùng, các chỉ số cần theo dõi trong quá trình điều trị, hiệu quả điều trị, tính an toàn). Học viên cũng sẽ hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng các kết quả đánh giá sử dụng thuốc trong triển khai công tác Dược bệnh viện cũng như trong việc ra quyết định của Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện ở các lĩnh vực có liên quan.

Học viên được thực hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sử dụng thuốc và áp dụng để đánh giá trên bệnh án cụ thể; đồng thời học viên được thực hành thiết kế một đề cương nghiên cứu đánh giá sử dụng thuốc tại bệnh viện.

7. Ứng dụng Y học bằng chứng trong thực hành sử dụng thuốc (Application of Evidence-Based Medicine on The Use of Medications)

Thời lượng: 2 tín chỉ (30 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các nguyên tắc cơ bản của y học bằng chứng, tập trung vào các thiết kế nghiên cứu y sinh học và mức độ tin cậy của các thiết kế nghiên cứu khi đánh giá về lợi ích và nguy cơ của thuốc. Bên cạnh đó, chuyên đề cũng cung cấp các kỹ năng về tra cứu, phân tích và sử dụng các thông tin từ y văn, các tài liệu và hướng dẫn điều trị trong thực hành thông tin thuốc và ra quyết định về quản lý sử dụng thuốc.

8. Đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện (Evaluation of Hospital Drug List)

Thời lượng: 1,5 tín chỉ (22 giờ)

Nhằm cung cấp thông tin, tư vấn cho cán bộ y tế và Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện trong việc quản lý, giám sát sử dụng thuốc trong bệnh viện hướng tới sử dụng thuốc hợp lý cho người bệnh. Chuyên đề “Đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện” được thiết kế với 2 nội dung:

Phần thứ nhất cập nhật kiến thức liên quan đến các phương pháp đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện hiện nay

Phần thứ hai đưa ra hướng tiếp cận theo dạng thực hành nhằm ứng dụng các phương pháp (phân tích ABC, VEN, DDD, ABC/VEN, nhóm điều trị) trong việc đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện

Từ đó, giúp dược sĩ lâm sàng phát hiện được sự bất hợp lý trong sử dụng thuốc, đặc biệt là nhóm thuốc AN (nhóm thuốc không cần thiết mà lại có giá trị sử dụng cao trong nhóm A - nhóm có giá trị thuốc sử dụng chiếm từ 75-80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ tại bệnh viện).

Thông qua việc phân tích danh mục thuốc và ứng dụng các phương pháp ABC/VEN, DDD sẽ giúp chỉ ra những bất cập trong lựa chọn và sử dụng thuốc trong bệnh viện, từ đó tư vấn cho Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện có những giải pháp quản lý nhằm hạn chế sử dụng những thuốc không thực sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 31/2012/TT-BYT của Bộ Y tế về hoạt động dược lâm sàng bệnh viện.

9. Dược lý lâm sàng (Clinical Pharmacology)

Thời lượng: 2 tín chỉ (30 giờ)

Dược lý lâm sàng là môn khoa học về nghiên cứu và sử dụng thuốc trên cơ thể người, nhằm tối ưu hoá việc điều trị bằng thuốc. Dược lý lâm sàng cung cấp các cơ sở khoa học nền tảng cho thực hành điều trị bằng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả. Dược lý lâm sàng dành cho đối tượng đào tạo liên tục về Dược lâm sàng được giảng dạy sau khi học viên đã hoàn thành Dược lý 1 và Dược lý 2 trong chương trình đào tạo dược sĩ đại học.

Nội dung chuyên đề “DƯỢC LÝ LÂM SÀNG” được thiết kế gồm 2 vấn đề chính: Nguyên lý cơ bản của Dược lý lâm sàng và Dược lý lâm sàng chuyên đề, phù hợp với nhu cầu thực hành nghề nghiệp của dược sĩ lâm sàng.

Phần thứ nhất cập nhật kiến thức liên quan đến các yếu tố thuộc về thuốc và người bệnh ảnh hưởng đến hiệu quả và độ an toàn trong quá trình sử dụng thuốc, nhằm cung cấp nền tảng cần có cho dược sĩ lâm sàng để có thể hướng dẫn và giám sát việc sử dụng thuốc trong bệnh viện, thông tin thuốc cho người bệnh và cán bộ y tế, tư vấn cách sử dụng thuốc hợp lý.

Phần thứ hai đưa ra cách tiếp cận theo hướng ứng dụng được các kiến thức dược lý vào sử dụng thuốc trong điều trị đối với một số chuyên khoa, nhằm giúp dược sĩ lâm sàng có thể phân tích được các quyết định điều trị bằng thuốc, trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc cho người bệnh, tham gia hội chẩn chuyên môn về thuốc. Bên cạnh đó, nội dung còn đưa ra cách sử dụng thông tin đối với các thuốc/nhóm thuốc mới thông qua bằng chứng từ thử nghiệm lâm sàng, phân tích meta giúp dược sĩ lâm sàng không những có thể lựa chọn thuốc tối ưu trong điều trị mà còn có khả năng tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến vấn đề sử dụng thuốc hợp lý, nghiên cứu sử dụng thuốc trên lâm sàng, cải tiến chất lượng và nâng cao hiệu quả công tác dược lâm sàng.

10. Dược động học lâm sàng (Clinical Pharmacokinetics)

Thời lượng: 1 tín chỉ (16 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dược động học, các yếu tố làm thay đổi đặc tính dược động học của thuốc trên lâm sàng và biện pháp can thiệp. Học viên không chỉ được tiếp cận lý thuyết mà còn được thực hành đọc hiểu nội dung dược động học trong các tài liệu tra cứu thuốc.

Bên cạnh đó, chuyên đề còn cung cấp thông tin về những quy trình giám sát thuốc điều trị (TDM) thường gặp cũng như những tình huống lâm sàng thực tế cần hiệu chỉnh liều thuốc. Đây là phần kiến thức quan trọng giúp dược sĩ lâm sàng thực hiện các nhiệm vụ đã được nêu trong Thông tư 31/2012/TT-BYT của Bộ Y tế như tham gia hội chẩn, bình ca lâm sàng, đặc biệt là tham gia xây dựng và thực hiện quy trình giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu (TDM) tại bệnh viện mình.

11. Hoạt động Cảnh giác Dược và giám sát ADR trong bệnh viện (Implementation of Pharmacovigilance and ADR Monitoring Activities in Healthcare Settings)

Thời lượng: 2 tín chỉ (30 giờ)

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phản ứng có hại của thuốc (ADR) và hoạt động Cảnh giác dược, đồng thời giúp học viên hiểu được vai trò của dược sĩ lâm sàng trong việc triển khai hoạt động Cảnh giác dược tại bệnh viện.

Tham gia khóa học về “Hoạt động Cảnh giác Dược và giám sát ADR trong bệnh viện”, học viên trước hết sẽ được tiếp cận các kiến thức lý thuyết và thực tiễn cập nhật về Cảnh giác dược trên thế giới và tại Việt Nam với nội dung tập trung vào các hoạt động đi từ phát hiện, đánh giá, xử trí, cung cấp thông tin thuốc và dự phòng phản ứng có hại hoặc bất kỳ một vấn đề nào khác liên quan đến sử dụng thuốc (bao gồm cả việc giám sát chất lượng thuốc và sai sót trong sử dụng thuốc).

Học viên cũng được trang bị nguyên tắc đánh giá lợi ích/nguy cơ của thuốc để vận dụng trong từng trường hợp cụ thể khi tư vấn sử dụng thuốc trên lâm sàng cũng như khi xây dựng danh mục thuốc và quy trình quản lý sử dụng thuốc tại bệnh viện. Các nội dung lý thuyết đều được minh họa bằng bài thực tập, các ca lâm sàng xuất phát từ các tình huống thực tế trong thực hành để học viên trực tiếp thực hành xử lý tình huống. Qua đó, học viên có thể nhận thức đúng, nắm rõ, và vận dụng tốt được các kỹ năng phát hiện, đánh giá, xử trí, báo cáo và dự phòng ADR; kỹ năng đánh giá lợi ích/nguy cơ trong thực hành sử dụng thuốc; kỹ năng truyền thông, trao đổi thông tin về tính an toàn của thuốc trên thế giới và tại Việt Nam cho nhân viên y tế và người bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh.

12. Kinh tế dược và ứng dụng trong ra quyết định điều trị (Pharmacoeconomics and Application in Clinical Decision Making)

Thời lượng: 1,5 tín chỉ (22 giờ)

Trong hoạt động quản lý sử dụng thuốc hiện nay, việc đảm bảo lựa chọn được thuốc phù hợp cho công tác điều trị cho người bệnh cũng như việc chi trả của cơ quan y tế đóng một vai trò quan trọng. Tuy nhiên, cơ sở nào giúp cho các nhà quản lý, cơ quan chi trả tiền thuốc, bác sỹ điều trị và người bệnh lựa chọn được thuốc phù hợp cần được cân nhắc, xem xét cẩn thận.

Chuyên đề “Kinh tế dược và ứng dụng trong ra quyết định điều trị” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế dược, trang bị kỹ năng trong đọc hiểu và phiên giải kết quả nghiên cứu kinh tế dược, từ đó giúp ứng dụng trong quá trình ra quyết định lựa chọn thuốc cho điều trị và chi trả bảo hiểm y tế./.

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học năm 2018

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học đã xác định năm 2018, Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học năm 2018 như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Tiến sĩ dược học

Chỉ tiêu: 15

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Dược lý và dược lâm sàng; Kiểm nghiệm thuốc và độc chất; Tổ chức quản lý dược; Hóa sinh dược; Hóa dược.

2. Thạc sĩ dược học

Chỉ tiêu: 110

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Dược lý và Dược lâm sàng; Kiểm nghiệm thuốc và độc chất; Tổ chức quản lý dược; Hóa sinh dược.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Tiến sĩ dược học

1.1. Điều kiện về văn bằng:

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học dược chính quy đạt loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển, đã học qua chương trình bổ túc kiến thức của chương trình đào tạo dược sĩ.

1.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ dược đào tạo ở nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*Xem phụ lục đính kèm*) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

2. Thạc sĩ được học

2.1. Điều kiện về văn bằng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

2.2. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự thi phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Có đủ sức khỏe để học tập.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Tiến sĩ được học

Tập trung, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm đối với người tốt nghiệp đại học.

2. Thạc sĩ được học

Tập trung theo tín chỉ: Thời gian 1,5 năm.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

1. Tiến sĩ được học

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển (*thẩm định hồ sơ và đánh giá năng lực của người dự tuyển. Người dự tuyển chuẩn bị nội dung báo cáo theo hướng dẫn*).

2. Thạc sĩ được học

a) Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

Môn Hóa hữu cơ và môn tích hợp kiến thức Hóa dược – Dược lý: Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

b) Các môn thi tuyển sinh:

Môn Hóa hữu cơ theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Môn tích hợp kiến thức Hóa dược – Dược lý theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

(*Nội dung hướng dẫn ôn tập của các môn thi được công bố trên website của Trường.*

Nhà trường không tổ chức ôn tập).

V. HỒ SƠ TUYỂN SINH

Hồ sơ tuyển sinh gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

1. Tiến sĩ được học

1.1. Đơn xin dự tuyển *(theo mẫu)*.

1.2. Lý lịch khoa học *(theo mẫu)*.

1.3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp *(theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.

1.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực:

- Bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm đối với người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ mà chưa có bằng thạc sĩ.

- Bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bằng điểm đại học, thạc sĩ đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp thạc sĩ.

- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

1.5. Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học:

- Bản chụp các công trình nghiên cứu khoa học bao gồm trang bìa, mục lục và toàn văn của công trình.

- Bản chụp các quyết định giao đề tài và biên bản nghiệm thu.

1.6. Minh chứng về kinh nghiệm công tác chuyên môn (nếu có):

- Bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp hoặc hợp đồng lao động dài hạn.

- Giấy chứng nhận thâm niên công tác của cơ quan quản lý trực tiếp đối với người có việc làm *(theo mẫu)*.

1.7. Đề cương nghiên cứu: Nộp 06 bản, đóng quyển bìa mềm *(theo mẫu)*.

1.8. Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu *(theo mẫu)*.

1.9. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp *(đối với người có việc làm)*.

1.10. Ba ảnh 4 x 6 *(ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh)*; 03 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.

2. Thạc sĩ được học

2.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển *(theo mẫu)*.

2.2. Văn bản đồng ý cho dự thi của cơ quan quản lý *(đối với người có việc làm)*.

2.3. Sơ yếu lý lịch *(có dán ảnh và đóng dấu giáp lai)* có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(đối với người có việc làm)* hoặc chính quyền địa phương *(đối với người chưa có việc làm)*.

2.4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

2.5. Bản sao có công chứng giấy khai sinh.

2.6. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học được.

2.7. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định (Xem phụ lục đính kèm).

2.8. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn.

2.9. Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có).

2.10. 03 ảnh 4 x 6 cm (ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh) và 04 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận. Nếu địa chỉ người nhận không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh.

Lưu ý: Học viên trúng tuyển khi nhập học phải đóng học phí và các khoản lệ phí khác theo đúng quy định hiện hành (Mức học phí của các hệ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ xem trên website của Trường).

VI. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

1. Xét tuyển nghiên cứu sinh:

- Đăng ký dự tuyển: 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).

- Dự tuyển nghiên cứu sinh: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Dự thi cao học:

- Đăng ký dự thi: 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).

- Dự thi cao học: 120.000 đồng/môn x 2 môn = 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng cộng: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

(Lệ phí nộp tại Phòng Tài chính kế toán - Trường Đại học Dược Hà Nội. Đối với thí sinh đã nộp hồ sơ nhưng không dự thi sẽ không được hoàn lại hồ sơ và lệ phí dự tuyển).

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN

1. Xét tuyển nghiên cứu sinh: Ngày 22 tháng 8 năm 2018.

2. Thi tuyển cao học: Ngày 24, 25 tháng 8 năm 2018.

3. Địa điểm thi tuyển: Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

VIII. THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời hạn nhận hồ sơ: Từ ngày 04 tháng 6 năm 2018 đến ngày 10 tháng 7 năm 2018.

Lưu ý: Quá thời hạn trên Nhà trường không nhận hồ sơ dự thi.

2. Địa điểm nộp hồ sơ

Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tất cả giấy tờ được đựng trong một túi hồ sơ (*theo mẫu của Nhà Trường*), bên ngoài ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của thí sinh.

Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ: Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội số 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 38267480

Fax: 04 38264464 (để gửi: Phòng Sau đại học)

IX. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ KHAI GIẢNG KHÓA HỌC

1. Công bố kết quả thi tuyển: Dự kiến tháng 9 năm 2018.

2. Khai giảng khóa học: Dự kiến tháng 10 năm 2018.

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc, các cán bộ y tế có nguyện vọng dự thi các chương trình nói trên để kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự thi tuyển. H.T

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị y tế TW và địa phương;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB, TCKT;
- Website;
- Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH VÀ CAO HỌC NĂM 2018

1. Các văn bằng chứng chỉ tiếng Anh được sử dụng đối với tuyển sinh Cao học

Người dự thi cao học được công nhận đạt năng lực ngoại ngữ nếu đạt một trong những điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Chứng chỉ tiếng Anh phải do một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận cấp, còn thời hạn theo quy định tính đến ngày dự thi.

2. Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài sử dụng trong xét tuyển nghiên cứu sinh

TT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5.0 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Ghi chú:

- Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, người dự tuyển gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác nhận về việc quy đổi tương đương trước khi nộp hồ sơ.

- Trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, người dự tuyển phải gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, công nhận trước khi nộp hồ sơ.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CÁC MÔN THI TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

I. MÔN HÓA HỮU CƠ

Phần I: Đại cương

1. Hiệu ứng cảm ứng: Khái niệm, phân loại, đặc điểm, ảnh hưởng đến lực acid-base, khả năng phản ứng và chiều hướng phản ứng của hợp chất hữu cơ.
2. Hiệu ứng liên hợp: Khái niệm, phân loại, đặc điểm, ảnh hưởng đến lực acid-base, khả năng phản ứng và chiều hướng phản ứng của hợp chất hữu cơ.
3. Đồng phân quang học: Khái niệm, đồng phân hữu tuyến, đồng phân tả tuyến, hỗn hợp racemic. Điều kiện để phân tử hợp chất hữu cơ có đồng phân quang học. Các chất hoạt quang có carbon bất đối xứng và không có carbon bất đối xứng.
4. Cơ chế của phản ứng cộng hợp theo cơ chế gốc (A_R) và phản ứng thế theo cơ chế gốc (S_R).
5. Cơ chế của phản ứng cộng hợp ái điện tử (A_E) và phản ứng cộng hợp ái nhân (A_N).
6. Cơ chế của phản ứng tách loại đơn phân tử (E_1) và phản ứng tách loại lưỡng phân tử (E_2).
7. Cơ chế của phản ứng thế ái điện tử (S_E) ở hợp chất thơm. Quy tắc thế Hollemann.
8. Cơ chế của phản ứng thế ái nhân đơn phân tử (S_N1) và phản ứng thế ái nhân lưỡng phân tử (S_N2).

Phần II: Các hóa chức

1. Hóa tính của alkan.
2. Hóa tính của alken.
3. Hóa tính của alkyn.
4. Hóa tính của alkadien liên hợp.
5. Hóa tính của dẫn chất halogen hóa của hydrocarbon no, mạch hở.
6. Hóa tính của hợp chất cơ magiesi.
7. Hóa tính của alcol no mạch hở.
8. Hóa tính của ether oxyd của hydrocarbon no, mạch hở.
9. Hóa tính chung và hóa tính phân biệt của amin bậc I, bậc II, bậc III thuộc dãy hydrocarbon no, mạch hở.
10. Hóa tính của acid monocarboxylic no, mạch hở.
11. Hóa tính của các dẫn chất của acid monocarboxylic no, mạch hở.
12. Hóa tính của hydroxy acid no, mạch hở.
13. Hóa tính của amino acid no, mạch hở.

14. Cấu tạo của monosacarid. Hiện tượng đồng phân của monosacarid.
15. Hóa tính của monosacarid.
16. Hóa tính của cyclan. Cấu tạo và hóa lập thể steroid.
17. Hóa tính của hydrocarbon 1 nhân thơm.
18. Hóa tính của monophenol.
19. Hóa tính của monoamin thơm bậc nhất.
20. Hóa tính của hợp chất diazoic.
21. Hóa tính của hợp chất azoic.
22. Hợp chất dị vòng năm cạnh có một dị tố: furan, thiophen, pyrol.
23. Hóa tính của pyridin.
24. Hóa tính của hợp chất aldehyd.
25. Hóa tính của hợp chất ceton.

Phần III: Các bài tập

1. Dãy chuyển hóa của tất cả các hóa chức hữu cơ.
2. So sánh lực acid - base của các hợp chất hữu cơ.
3. So sánh khả năng phản ứng của các hợp chất hữu cơ.

Tài liệu tham khảo chính

1. Bộ Y tế - Hóa học hữu cơ - tập I (2017), Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế - Hóa học hữu cơ - tập II (2015), Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế - Câu hỏi trắc nghiệm Hóa Hữu cơ (2018), Nhà xuất bản Y học.
4. Trần Quốc Sơn, Trần Thị Tuyền - Danh Pháp hợp chất hữu cơ (2010), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

II. MÔN TÍCH HỢP HÓA DƯỢC – DƯỢC LÝ

Phần 1. Đại cương về Dược động học và tác dụng của thuốc

1.1. Dược động học

- Hấp thu thuốc: Các đường đưa thuốc vào cơ thể và sự hấp thu của thuốc; thông số dược động học của quá trình hấp thu (diện tích dưới đường cong, sinh khả dụng của thuốc).

- Phân bố: Liên kết của thuốc với protein huyết tương, phân bố thuốc đến các tổ chức, thông số dược động học của quá trình phân bố (thể tích phân bố).

- Chuyển hóa: Ảnh hưởng của chuyển hóa đến tác dụng sinh học và độc tính của thuốc; cảm ứng và ức chế enzyme chuyển hóa thuốc.

- Thải trừ: Thải trừ thuốc qua thận; thông số dược động học của quá trình thải trừ thuốc (độ thanh lọc và thời gian bán thải).

1.2. Tác dụng của thuốc

- Các kiểu tác dụng của thuốc.
- Cơ chế tác dụng của thuốc.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc (tương tác thuốc, trẻ em, người cao tuổi, người mang thai, thời kỳ cho con bú).
- Phản ứng bất lợi của thuốc: Định nghĩa, phân loại.

Phần 2. Nhóm thuốc và các thuốc cụ thể

2.1. Đặc điểm chung của nhóm thuốc (nếu có)*

- Đặc điểm cấu tạo chung,
- Phân loại,
- Tính chất lí, hóa học,
- Cơ chế tác dụng,
- Tác dụng,
- Chỉ định.

2.2. Thuốc cụ thể

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có)
- Nguồn gốc,
- Tính chất lý hoá và ứng dụng trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản,
- Dược động học (nếu có),
- Tác dụng và cơ chế tác dụng,
- Chỉ định điều trị,
- Tác dụng không mong muốn,
- Chống chỉ định,
- Tương tác thuốc (nếu có),
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp.

2.3. Danh mục các nhóm thuốc và thuốc cụ thể

TT	Chương	Thuốc cụ thể	Ghi chú (số thuốc)
1	Thuốc gây mê, gây tê	Thiopental, Lidocain	2
2	Thuốc an thần, gây ngủ - Nhóm barbiturat* - Nhóm benzodiazepin*	Phenobarbital Diazepam	2
3	Thuốc giảm đau trung ương	Morphin, Codein	2
4	Thuốc giảm đau và thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid*	Aspirin, Paracetamol, Diclofenac,	3
5	Vitamin	Vitamin A, B6, C	3
6	Thuốc tim mạch - Thuốc ức chế enzym chuyển* - Thuốc chẹn kênh calci nhóm	Captopril Nifedipin, Felodipin	7

TT	Chương	Thuốc cụ thể	Ghi chú (số thuốc)
	dihydropyridin* - Thuốc giãn mạch - Thuốc lợi tiểu: + Thuốc lợi tiểu quai + Thuốc lợi tiểu thiazid*	Nitroglycerin Hydroclorothiazid Furosemid, Hydroclorothiazid	
7	Các thuốc kháng H1*	Clorpheniramin, Promethazin, Cetirizin, Loratadin	4
8	Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng - Các thuốc kháng H2 - Các thuốc ức chế bơm proton*	Cimetidin Omeprazol, Lansoprazol	3
9	Hormon và các chất tương tự - Hormon sinh dục - Hormon vỏ thượng thận* - Thuốc điều trị đái tháo đường typ 2: + Nhóm sulfonylurea* + Nhóm biguanid	Estradiol, Progesteron Hydrocortison, Prednisolon Gliclazid Metformin	6
10	Thuốc kháng sinh và thuốc kháng khuẩn - Kháng sinh penicilin* - Kháng sinh cephalosporin* - Kháng sinh aminosid* - Kháng sinh macrolid* - Nhóm quinolon*	Penicilin G, Amoxicilin Cephalexin, Cefuroxim, Cefotaxim Streptomycin, Gentamicin Erythromycin Acid nalidixic, Ciprofloxacin	10
11	Các thuốc điều trị nấm và bệnh do ký sinh trùng - Thuốc điều trị nấm: - Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng: + Thuốc điều trị giun, sán + Thuốc điều trị sốt rét + Thuốc điều trị lỵ amip và Trichomonas	Fluconazol, Amphotericin B Albendazol Quinin, Cloroquin, Metronidazol	6
12	Thuốc điều trị lao	Isoniazid, Rifampicin	2

Tổng số 12 nhóm thuốc và 50 thuốc cụ thể. Các nhóm thuốc có dấu * là các nhóm thuốc được hỏi trong mục 2.1.

Tài liệu tham khảo chính

1. Hóa Dược I, NXB Y học, 2007.
2. Hóa Dược II, NXB Y học, 2007.
3. Dược lý học tập I, NXB Y học, 2007.
4. Dược lý học tập II, NXB Y học, 2007.

Số: 175/TB-DHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2018

Căn cứ chỉ tiêu đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I (DSCKI), Dược sĩ chuyên khoa cấp II (DSCKII) năm 2018 được Bộ Y tế phê duyệt; Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo DSCKI, DSCKII năm 2018 như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Chỉ tiêu: 180

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Dược lý và dược lâm sàng; Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Tổ chức quản lý dược.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Chỉ tiêu: 40

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc, Dược liệu - Dược học cổ truyền, Dược lý và dược lâm sàng, Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Tổ chức quản lý dược, Hóa dược.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

1.1. Có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng (tính từ ngày có Quyết định tốt nghiệp đến ngày dự thi).

1.2. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.3. Có đủ sức khỏe để học tập.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

2.1. Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc bằng Thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

Đối với người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với người có bằng Thạc sĩ dược học: Có ít nhất 36 tháng công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp.

2.2. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự thi phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

a. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

b. Các môn thi tuyển sinh:

Môn Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: Theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Môn Hóa dược: Theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

a. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển.

Môn chuyên ngành: Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

b. Các môn thi tuyển sinh:

Môn chuyên ngành: Theo chương trình đào tạo DSCKI của Trường Đại học Dược Hà Nội.

(Nội dung hướng dẫn ôn tập của các môn thi được công bố trên website của Trường. Nhà trường không tổ chức ôn tập).

V. HỒ SƠ TUYỂN SINH

Hồ sơ tuyển sinh gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

- 1.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển *(theo mẫu)*.
- 1.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.
- 1.3. Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp *(đối với người có việc làm)*.
- 1.4. Sơ yếu lý lịch *(có dán ảnh và đóng dấu giáp lai)* có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(đối với người có việc làm)* hoặc chính quyền địa phương *(đối với người chưa có việc làm)*.
- 1.5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp *(theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.
- 1.6. Giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan có thẩm quyền *(theo mẫu)*.

- 1.7. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- 1.8. 03 ảnh 4 x 6 cm (ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh) và 05 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

- 2.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển (theo mẫu).
- 2.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.
- 2.3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp DSKKI.
- 2.4. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp Thạc sĩ dược học và bảng điểm Thạc sĩ (thí sinh đã tốt nghiệp Thạc sĩ).
- 2.5. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định (Xem phụ lục đính kèm).
- 2.6. Công văn cử đi dự thi tuyển DSKKII của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với người có việc làm).
- 2.7. Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (đối với người có việc làm) hoặc chính quyền địa phương (đối với người chưa có việc làm).
- 2.8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- 2.9. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan có thẩm quyền với đối tượng dự thi là Thạc sĩ (theo mẫu).
- 2.10. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có) theo qui định của Nhà nước.
- 2.11. 03 ảnh 4 x 6 cm (ghi rõ họ tên, ngày, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh) và 05 phong bì có ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.

Lưu ý: Học viên trúng tuyển khi nhập học phải đóng học phí và các khoản lệ phí khác theo đúng quy định hiện hành (Mức học phí của các hệ DSKKI, DSKKII xem trên website của Trường).

VI. LỆ PHÍ DỰ THI

Lệ phí dự thi DSKKI: **300.000 đ** (Ba trăm nghìn đồng).

Lệ phí dự thi DSKKII: **300.000 đ** (Ba trăm nghìn đồng).

Lưu ý: Mức lệ phí trên cho các thí sinh đăng ký thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội.

Đối với thí sinh đăng ký thi tại địa điểm khác Nhà trường sẽ thông báo lệ phí sau.

Lệ phí nộp tại Phòng Tài chính kế toán – Trường Đại học Dược Hà Nội. Thí sinh nộp hồ sơ nhưng không dự thi sẽ không được hoàn lại hồ sơ và lệ phí dự thi.

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN

1. Thời gian thi tuyển: Ngày 24 và 25 tháng 8 năm 2018.

2. Địa điểm thi tuyển:

Các tỉnh phía Bắc (từ Huế trở ra): Thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các tỉnh phía Nam: Thi tại Trường Trung cấp Quân Y 2, số 50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP Hồ Chí Minh (nếu điểm thi có ≥ 20 thí sinh).

VIII. THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời hạn nhận hồ sơ: Từ ngày 04 tháng 6 năm 2018 đến ngày 10 tháng 7 năm 2018.

Lưu ý: Quá thời hạn trên Nhà trường không nhận hồ sơ dự thi.

2. Địa điểm nộp hồ sơ

Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tất cả giấy tờ được đựng trong một túi hồ sơ (theo mẫu của Nhà trường), bên ngoài ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của thí sinh.

IX. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ KHAI GIẢNG KHÓA HỌC

1. Công bố kết quả thi tuyển: Dự kiến tháng 9 năm 2018.

2. Khai giảng khóa học: Dự kiến tháng 10 năm 2018.

X. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Đối với lớp đào tạo tại Trường Đại học Dược Hà Nội, thu học phí theo Quy định.

Đối với lớp tổ chức tại địa phương theo nhu cầu của các Sở Y tế (nếu lớp có ≥ 20 học viên), kinh phí thu theo thỏa thuận.

Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ: Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 38267480

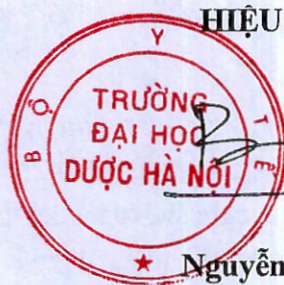
Fax: 04 38264464 (để gửi: Phòng Sau đại học).

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc và các cán bộ y tế có nguyện vọng dự thi các chương trình nói trên để kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự thi tuyển. H

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị y tế TW và địa phương;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB, TCKT;
- Website;
- Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



★ Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TUYỂN SINH DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II NĂM 2018

Người dự thi Dược sĩ chuyên khoa cấp II được công nhận đạt năng lực ngoại ngữ nếu đạt một trong những điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1
Cấp độ 4	5.5	500 ITP 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Business Vantage	60	B2

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Chứng chỉ tiếng Anh phải do một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận cấp, còn thời hạn theo quy định tính đến ngày dự thi.

Ghi chú:

- Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, người dự tuyển gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác nhận về việc quy đổi tương đương trước khi nộp hồ sơ.

- Trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, người dự tuyển phải gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, công nhận trước khi nộp hồ sơ.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CÁC MÔN THI TUYỂN SINH
DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I, CẤP II NĂM 2018

I. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I

MÔN: KỸ THUẬT BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC CÁC DẠNG THUỐC

1. Các biện pháp làm tăng độ tan của dược chất và vận dụng trong kỹ thuật bào chế dung dịch thuốc.
2. Đặc điểm thành phần, yêu cầu chất lượng và áp dụng lâm sàng của thuốc tiêm truyền. Ví dụ thuốc tiêm truyền.
3. Ưu, nhược điểm của các dạng thuốc dùng tại chỗ ở mắt. Ví dụ thuốc nhỏ mắt.
4. Thành phần của nhũ tương thuốc.
5. Thành phần của hỗn dịch thuốc.
6. Ưu, nhược điểm thuốc mỡ là gel. Ví dụ gel bôi da..
7. Kỹ thuật bào chế, sản xuất thuốc mỡ bằng phương pháp hoà tan.
8. Ưu, nhược điểm của thuốc đặt trực tràng. Ví dụ thuốc đặt trực tràng.
9. Phân loại và ưu, nhược điểm của viên nén. Ví dụ viên nén.
10. Mục đích bao viên và ưu, nhược điểm của thuốc bao film (bao màng mỏng). Ví dụ viên bao.
11. Ưu, nhược điểm bột, cốm pha hỗn dịch uống. Ví dụ bột, cốm pha hỗn dịch uống.
12. Mục đích đóng thuốc vào nang và ưu, nhược điểm của thuốc nang.

Tài liệu tham khảo chính:

Bộ môn Bào chế - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1 & 2, NXB Y học.

MÔN: HÓA DƯỢC

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
1	Thuốc an thần, gây ngủ		Hóa Dược I, tr. 26-39
	Dẫn chất barbiturat	Phenobarbital	
	Dẫn chất benzodiazepin	Diazepam, Nitrazepam	
2	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid		Hóa Dược I, tr. 79-114
	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid	Aspirin, Paracetamol, Diclofenac	
3	Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh giao cảm		Hóa Dược I, tr. 139-174
	Cường giao cảm Hủy giao cảm	Adrenalin, Ephedrin Propranolol	
4	Vitamin		

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
	Nhóm các vitamin tan trong nước Nhóm các vitamin tan trong dầu	Vitamin B1, B6, C Vitamin A, E	Hóa Dược I, tr. 226-271
5	Thuốc ức chế tiết acid		
	Nhóm kháng thụ thể H ₂	Ranitidin	Hóa Dược II, tr. 9-31
	Nhóm ức chế bơm proton	Omeprazol/Esomeprazol, Lansoprazol	
6	Thuốc điều trị tiểu đường		
	Nhóm sulfonylurea	Glibenclamid	Hóa Dược II, tr. 56-64
	Nhóm biguanid	Metformin	
7	Thuốc kháng khuẩn quinolon		
		Ciprofloxacin, Levofloxacin	Hóa Dược II, tr. 78-84
8	Kháng sinh		
	Penicillin Cephalosporin	Penicillin G, Amoxicillin, Cefuroxim, Cefotaxim, Ceftriaxon	Hóa Dược II, tr. 102-176
	Aminosid	Streptomycin, Gentamicin	
	Macrolid	Erythromycin	
9	Thuốc điều trị lao		
	Phân loại, tên 1 số thuốc	Isoniazid, Rifampicin	Hóa Dược II, tr. 177-187

Ghi chú:

- Với nhóm thuốc, cần ôn tập phần đại cương: công thức cấu tạo chung hoặc đặc điểm cấu tạo chung (nếu có), phân loại (nếu có), tên các thuốc chính, tính chất lý hóa chung, tác dụng và chỉ định chung.
- Với từng thuốc, yêu cầu: Phân tích công thức cấu tạo để tìm ra các tính chất lý, hóa học có thể ứng dụng trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản; tác dụng và chỉ định (câu hỏi thi sẽ cho công thức cấu tạo của từng thuốc).

II. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II

MÔN CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG

1. Các thông số Dược động học

- 1.1. Sinh khả dụng tuyệt đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.2. Sinh khả dụng tương đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.3. Hiệu chỉnh liều khi suy giảm chức năng thận: Nguyên tắc, các bước tiến hành.
- 1.4. Thời gian bán thải: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.

2. Tương tác thuốc (cơ chế và quản lý tương tác thuốc trên lâm sàng)

2.1. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn hấp thu.

2.2. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn chuyển hóa.

2.3. Ảnh hưởng của thức ăn đến hấp thu thuốc dùng đồng thời qua đường tiêu hóa và thời điểm dùng thuốc so với bữa ăn.

2.6. Các yếu tố quyết định thời gian uống thuốc hợp lý.

3. Phản ứng có hại của thuốc

3.1. Định nghĩa, phân loại, các yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR và các biện pháp nhằm hạn chế ADR.

3.2. Cách báo cáo ADR.

4. Các nguyên tắc sử dụng kháng sinh

4.1. Phân tích nguyên tắc "Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn".

4.2. Phân tích nguyên tắc "Lựa chọn kháng sinh phù hợp với vi khuẩn gây bệnh".

5. Các nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau

5.1. Thuốc giảm đau ngoại vi:

- Phân tích nguyên tắc "Tránh dùng quá mức liều giới hạn" khi dùng thuốc giảm đau ngoại vi.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng không mong muốn gây loét dạ dày tá tràng khi sử dụng các thuốc chống viêm không steroid (NSAID).

5.2. Thuốc giảm đau trung ương (các opioid):

- Phân loại thuốc giảm đau trung ương thành hai nhóm giảm đau trung ương mạnh và giảm đau trung ương yếu: cơ sở phân loại, ví dụ minh họa.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng phụ không mong muốn gây táo bón và gây buồn nôn/nôn khi sử dụng các thuốc giảm đau trung ương.

6. Các nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid (GC)

6.1. Hiện tượng ức chế trục dưới đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận (trục HPA) và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

6.2. Khả năng gây loãng xương và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

MÔN CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC

1. Kỹ năng của nhà quản trị. Yêu cầu về kỹ năng đối với mỗi cấp nhà quản trị. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.

2. Chức năng của nhà quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.

3. Các mô hình cơ cấu tổ chức: Trục tuyến, chức năng, trục tuyến - chức năng, ma trận. Vận dụng tại đơn vị công tác.

4. Các bước trong chu trình cung ứng thuốc: Lựa chọn, mua sắm, tồn trữ - cấp phát, sử dụng thuốc. Vận dụng vào thực tế công tác.
5. Các qui định liên quan tới lựa chọn và xây dựng danh mục thuốc trong các cơ sở khám chữa bệnh. Một số vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện.
6. Các văn bản quản lý và một số vấn đề tồn tại liên quan tới hoạt động đấu thầu thuốc.
7. Phương pháp phân tích ABC/VEN. Ý nghĩa và thực tế vận dụng trong đánh giá Danh mục thuốc.
8. Vấn đề đảm bảo chất lượng thuốc và các văn bản quản lý nhà nước liên quan.
9. Vấn đề sử dụng thuốc sản xuất trong nước và các văn bản quản lý nhà nước tác động.
10. Chiến lược phát triển ngành Dược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

THÔNG BÁO

Tuyển sinh các khóa đào tạo liên tục cấp chứng chỉ

Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh các khóa đào tạo liên tục nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành chuyên môn về Dược, đồng thời giúp học viên liên tục cập nhật được kiến thức mới đáp ứng yêu cầu thực tế công việc tại đơn vị và yêu cầu cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược cho người hành nghề dược theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2018 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung chương trình đào tạo liên tục gồm 30 chuyên đề sau: (Mô tả chi tiết về từng nội dung xin xem văn bản đính kèm công văn)

1. Độ ổn định thuốc
2. Sản xuất và kiểm tra chất lượng mỹ phẩm
3. Nghiên cứu và phát triển thuốc thành phẩm
4. Thẩm định quy trình sản xuất thuốc thành phẩm, ứng dụng trong sản xuất và đăng ký thuốc
5. Một số phương pháp chiết xuất hiện đại
6. Kỹ thuật sản xuất artemisinin và dẫn chất
7. Công nghệ nano và sản xuất thuốc
8. Xây dựng nội dung hướng dẫn sử dụng chế phẩm từ phương thuốc cổ truyền
9. Hướng dẫn sử dụng và nhận biết các cây thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu
10. Thiết kế nghiên cứu tiền lâm sàng trong phát triển thuốc mới từ dược liệu
11. Thiết kế nghiên cứu lâm sàng áp dụng trong phát triển thuốc mới từ dược liệu
12. Dược lý lâm sàng áp dụng trong sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn
13. Dược lý lâm sàng nâng cao áp dụng trong điều trị kháng sinh ở bệnh nhân nặng
14. Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong chế phẩm bằng HPLC
15. Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong dịch sinh học
16. Phân tích nhiệt trong nghiên cứu dược
17. Các xét nghiệm di truyền, chẩn đoán và điều trị rối loạn chuyển hóa
18. Cá thể hóa điều trị - xu hướng mới của y học hiện đại
19. Kỹ thuật và đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm hóa sinh
20. Ứng dụng phần mềm phân tích ABC/VEN trong đánh giá danh mục thuốc sử dụng
21. Quản lý hiệu quả cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn "Thực hành nhà thuốc tốt-GPP"
22. Kinh tế Dược và ứng dụng trong ra quyết định lựa chọn thuốc
23. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành tốt nhà thuốc
24. Ứng dụng Marketing Dược trong kinh doanh dược phẩm

25. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và phát triển hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc
26. Xây dựng danh mục tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng
27. Xử lý và phân tích báo cáo ADR tại cơ sở khám, chữa bệnh
28. Giám sát tích cực phản ứng có hại của thuốc trong bệnh viện
29. Xây dựng bản tin thông tin thuốc trong bệnh viện
30. Một số vấn đề mới về thực hành Cảnh giác Dược và Dược lâm sàng tại bệnh viện

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO

Các dược sĩ, bác sĩ đang công tác tại các đơn vị trong ngành Y tế, các đối tượng khác có nhu cầu

III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Có 2 hình thức tổ chức đào tạo:

Nhà trường sẽ mở các lớp đào tạo liên tục tập trung tại Trường theo từng chuyên đề, thời gian mở lớp theo thông báo của Trường.

Nhà trường sẽ mở lớp đào tạo liên tục tại các đơn vị ngoài Trường theo hợp đồng đào tạo. Nội dung đào tạo và thời gian mở lớp theo yêu cầu ghi trong công văn đề nghị của đơn vị gửi về Trường.

Kết thúc khóa học, học viên được cấp Chứng chỉ đào tạo liên tục, xác nhận đã hoàn thành nội dung khóa học do Trường tổ chức.

IV. ĐĂNG KÝ HỌC

Đăng ký trực tiếp hoặc gửi công văn về Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội hoặc qua email: p.saudaihoc@hup.edu.vn.

Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ: Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 38267480 hoặc 098 303 2589.

Thông tin chi tiết xem tại website: <http://www.hup.edu.vn>

V. KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Kinh phí đào tạo được thanh toán cho Trường theo một trong hai hình thức:

- Trường hợp mở lớp tại các đơn vị ngoài Trường, thanh toán theo hợp đồng đào tạo giữa đơn vị với Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Học viên tự do đăng ký và nộp học phí tại Phòng Tài chính kế toán của Trường. Nhà trường sẽ tổ chức lớp khi đạt đủ số lượng học viên yêu cầu.

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc, các cán bộ y tế, cá nhân có nhu cầu tham dự chương trình đào tạo nói trên để kịp thời đăng ký.

Nơi nhận:

- Các Sở Y tế;
- Các doanh nghiệp dược;
- Ban Giám hiệu;
- Website;
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

★ Nguyễn Thanh Bình

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

(Kèm theo Thông báo số 111 /TB-DHN ngày 11/3/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN)

1. Độ ổn định thuốc (Drug Stability).

Thời lượng: 20 giờ

Chuyên đề cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các biến đổi vật lý, hoá học và sinh học thường gặp trong các chế phẩm thuốc; các biện pháp nâng cao độ ổn định trong bào chế, sản xuất và bảo quản thuốc; thiết kế và báo cáo kết quả nghiên cứu độ ổn định và dự đoán tuổi thọ thuốc; các hướng dẫn liên quan.

2. Sản xuất và kiểm tra chất lượng mỹ phẩm (Manufacturing and Quality Control of Cosmetic Products).

Thời lượng: 30 giờ

Chuyên đề cung cấp các thông tin cập nhật về sản xuất và kiểm soát chất lượng mỹ phẩm trong nước, khu vực và thế giới nhằm giúp cho việc phát triển sản phẩm đúng hướng và đúng mục tiêu, tiến tới hội nhập với khu vực và thế giới.

3. Nghiên cứu và phát triển thuốc thành phẩm (Pharmaceutics Development).

Thời lượng 20 giờ.

Chuyên đề cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu tiền công thức (preformulation), giải mã công thức (reverse engineering), phát triển công thức và quy trình sản xuất theo nguyên tắc Chất lượng theo Thiết kế (Quality by Design).

4. Thẩm định quy trình sản xuất thuốc thành phẩm, ứng dụng trong sản xuất và đăng ký thuốc (Process Validation of Finished Product, Application for Drug Production and Registration Dossier).

Thời lượng: 15 giờ.

Chuyên đề trang bị cho học viên các kiến thức cơ sở về thiết kế, viết đề cương thẩm định, tiến hành triển khai thẩm định quy trình, viết báo cáo thẩm định theo quy định của thông tư 44 về phần Bào chế. Học viên học xong có thể hiểu và tư vấn được các yêu cầu của Thông tư 44 về phần thẩm định quy trình sản xuất. Các kiến thức này bổ sung kiến thức về xây dựng công thức, thẩm định quy trình sản xuất các dạng bào chế thường gặp.

5. Một số phương pháp chiết xuất hiện đại (Modern Extraction Techniques).

Thời lượng: 15 giờ

Chuyên đề cung cấp kiến thức, kỹ thuật và thiết bị cơ bản của một số phương pháp chiết xuất hiện đại: chiết xuất kiểu turbin, chiết xuất bằng siêu âm, vi sóng, năng lượng điện và chiết xuất bằng dung môi siêu tới hạn.

6. Kỹ thuật sản xuất artemisinin và dẫn chất (Production Technique of Artemisinin and Its Derivatives).

Thời lượng: 6 giờ

Chuyên đề cung cấp những kiến thức, kỹ thuật và thiết bị cơ bản trong sản xuất artemisinin và bán tổng hợp một số dẫn chất của artemisinin.

7. Công nghệ nano và sản xuất thuốc (Nanotechnology and Drug Manufacturing)

Thời lượng: 15 giờ

Chuyên đề cung cấp những kiến thức, kỹ thuật bào chế, vai trò và triển vọng của công nghệ nano. Các kiến thức này bổ sung kiến thức về xây dựng công thức, quy trình bào chế các dạng bào chế hiện đại.

8. Xây dựng nội dung hướng dẫn sử dụng chế phẩm từ phương thuốc cổ truyền (Writing the Content of Guideline to Use of Preparation from Traditional Remedies)

Thời lượng: 15 giờ

Sử dụng thuốc cổ truyền trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới ngay cả những nước phát triển. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều chế phẩm từ phương thuốc cổ truyền ở các dạng bào chế khác nhau. Chuyên đề này nhằm cung cấp một số kiến thức liên quan đến: cấu trúc của phương thuốc cổ truyền, tập hợp một số thông tin về tác dụng và tác dụng bất lợi và chú ý khi sử dụng của thuốc cổ truyền, cách xây dựng nội dung toa hướng dẫn sử dụng một số chế phẩm từ phương thuốc cổ truyền.

9. Hướng dẫn sử dụng và nhận biết các cây thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu (Use and Distinguish Medicinal Plants in Essential Medicines List).

Thời lượng: 10 giờ

Theo Thông tư ban hành thuốc thiết yếu lần thứ VI 2013, Bộ Y tế đã xây dựng danh sách 70 cây thuốc dùng cho hoạt động y tế tuyến xã nhằm đáp ứng nhu cầu y tế của phần đông dân chúng, điều trị những căn bệnh thông thường. Học phần này cập nhật cho học viên các thông tin: Tên Việt Nam, tên khoa học, đặc điểm thực vật, cách nhận biết, bộ phận dùng, cách trồng, thu hái, chế biến, công dụng và phối hợp trong bài thuốc của 70 cây thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y tế.

10. Thiết kế nghiên cứu tiền lâm sàng trong phát triển thuốc mới từ dược liệu (Pre-clinical Research in the Process of New Drug Development Applied to Botanical Products)

Thời lượng: 10 giờ

Chuyên đề này được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thiết kế thử nghiệm tiền lâm sàng, bao gồm đánh giá tác dụng dược lý và độc tính, từ quá trình triển khai nghiên cứu đến áp dụng các kết quả nghiên cứu trong phát triển thuốc mới.

11. Thiết kế nghiên cứu lâm sàng áp dụng trong phát triển thuốc mới từ dược liệu (Clinical Studies Applied to Drug Development: Case of Botanical Products).

Thời lượng: 10 giờ

Chuyên đề này được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thiết kế thử nghiệm lâm sàng, cả góc độ pháp quy và kỹ thuật áp dụng trong xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu và áp dụng các kết quả nghiên cứu trong phát triển thuốc mới từ dược liệu.

12. Dược lý lâm sàng áp dụng trong sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn (Clinical Pharmacology Applied to Rational Use of Antibiotics).

Thời lượng: 10 giờ

Kháng kháng sinh đang có xu hướng lan rộng và phức tạp trở thành thách thức lớn nhất hiện tại trong điều trị các bệnh lý nhiễm khuẩn. Sử dụng nhiều kháng sinh và sử dụng

kháng sinh không hợp lý là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến gia tăng đề kháng kháng sinh. Chuyên đề này cung cấp cho người học (dược sĩ, bác sĩ) những kiến thức cơ bản, nâng cao và cập nhật về dược lý kháng sinh giúp lựa chọn, phối hợp và thiết kế chế độ liều kháng sinh hợp lý trong thực hành.

13. Dược lý lâm sàng nâng cao áp dụng trong điều trị kháng sinh ở bệnh nhân nặng (Advanced Clinical Pharmacology Applied to Antimicrobial Therapy in Critically ill Patients).

Thời lượng: 10 giờ

Nguy cơ thất bại trong điều trị các bệnh lý nhiễm khuẩn ở bệnh nhân nặng với thay đổi sinh lý bệnh ảnh hưởng rất lớn đến dược động học và tình trạng gia tăng đề kháng kháng sinh của các vi khuẩn Gram âm và Gram dương gây bệnh hiện tại đang trở thành thách thức rất lớn trong thực hành, đặc biệt tại các đơn vị điều trị tích cực. Chuyên đề này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học (dược sĩ, bác sĩ) có được tiếp cận phù hợp trong lựa chọn và sử dụng kháng sinh hợp lý trên cơ sở dược lý lâm sàng kháng sinh ở đối tượng bệnh nhân đặc biệt này.

14. Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong chế phẩm bằng HPLC (Validation of Drug Analytical Method in Pharmaceutical Forms by HPLC).

Thời lượng: 20 giờ

Chuyên đề “Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong chế phẩm bằng HPLC” trang bị cho học viên kiến thức và các kỹ năng thực hành thẩm định phương pháp đã xây dựng về các chỉ tiêu độ đặc hiệu, khoảng tuyến tính, độ đúng và độ lặp lại... theo hướng dẫn của ICH.

15. Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong dịch sinh học (Method Validation for Drug Analysis in Biological Fluids).

Thời lượng: 25 giờ

Chuyên đề “Thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong dịch sinh học” sẽ trang bị cho các học viên các kiến thức và kỹ năng về thẩm định phương pháp phân tích thuốc trong dịch sinh học theo hướng dẫn của US-FDA và ICH phục vụ nghiên cứu phát triển thuốc và theo dõi thuốc trong điều trị.

16. Phân tích nhiệt trong nghiên cứu dược (Thermal Analysis in Pharmaceutical Sciences).

Thời lượng: 20 giờ

Chuyên đề “Phân tích nhiệt trong nghiên cứu dược” trang bị cho học viên cơ sở lý thuyết và những ứng dụng cơ bản của các kỹ thuật phân tích nhiệt, DSC (quét nhiệt vi sai) và TGA (phân tích nhiệt trọng khối), trong lĩnh vực phân tích dược.

17. Các xét nghiệm di truyền, chẩn đoán và điều trị rối loạn chuyển hóa (Tests for Diagnosis and Treatment of Hereditary Metabolic Disorders).

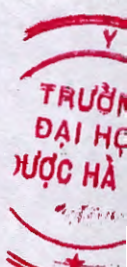
Thời lượng: 10 giờ

Chuyên đề cung cấp cho học viên những nguyên tắc kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh - sinh học phân tử hiện đại và vai trò chẩn đoán bệnh rối loạn chuyển hóa.

Cung cấp các thông tin cập nhật về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, các biện pháp chăm sóc - điều trị, đặc biệt là các thuốc đặc trị rối loạn chuyển hóa.

18. Cá thể hóa điều trị - xu hướng mới của y học hiện đại (Personalized Therapy – a New Trend of Modern Medicine).

Thời lượng: 10 giờ



Chuyên đề này giới thiệu các khái niệm, cơ sở khoa học, ý nghĩa và ứng dụng thực tế của cá thể hóa điều trị, giúp người học tiếp cận với một xu hướng đang ngày càng phát triển trên thế giới nhằm đạt mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

19. Kỹ thuật và đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm hóa sinh (Biochemistry Laboratory: Techniques and Quality Assurance).

Thời lượng: 10 giờ

Chuyên đề này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý, kiểm tra chất lượng phòng xét nghiệm hóa sinh tại bệnh viện cũng như các kỹ thuật tiên tiến đang được sử dụng để tiến hành các xét nghiệm hóa sinh tại bệnh viện.

20. Ứng dụng phần mềm phân tích ABC/VEN trong đánh giá danh mục thuốc sử dụng (Applied Software ABC/VEN in Evaluation Used Drug List).

Thời lượng: 10 giờ

Việc ứng dụng phần mềm phân tích ABC/VEN trong đánh giá sử dụng thuốc sẽ cung cấp thông tin về những bất cập trong sử dụng thuốc từ danh mục thuốc sử dụng một cách nhanh chóng, cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến sử dụng thuốc.

21. Quản lý hiệu quả cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn “Thực hành nhà thuốc tốt - GPP” (Effective Management of GPP Pharmacy).

Thời lượng: 10 giờ

Hành nghề dược là việc sử dụng trình độ chuyên môn của cá nhân để kinh doanh dược và hoạt động dược lâm sàng. Một trong những quyền của người hành nghề dược qui định cụ thể là được đào tạo, cập nhật kiến thức, trao đổi thông tin chuyên môn, pháp luật về dược.

Việc cập nhật và vận dụng đúng các qui định hiện hành của người bán thuốc về các điều kiện trong hành nghề tại cơ sở bán lẻ thuốc là bắt buộc và cần thiết nhằm góp phần hạn chế những sai sót xảy ra trong quá trình bán thuốc cũng như tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng.

22. Kinh tế Dược và ứng dụng trong ra quyết định lựa chọn thuốc (Pharmacoeconomics and Application in Clinical Decision Making).

Thời lượng: 10 giờ

Môn học “Kinh tế Dược và ứng dụng trong ra quyết định lựa chọn thuốc” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế Dược, trang bị kỹ năng trong đọc hiểu và phiên giải kết quả nghiên cứu kinh tế dược, từ đó giúp ứng dụng trong quá trình ra quyết định lựa chọn thuốc.

23. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành tốt nhà thuốc (Communication Skills in Good Pharmacy Practice)

Thời lượng: 10 giờ

Kỹ năng giao tiếp là một trong những kỹ năng không thể thiếu của người bán lẻ tại nhà thuốc. Người bán lẻ thuốc có kỹ năng giao tiếp tốt sẽ giúp khai thác thông tin từ người bệnh tốt hơn, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả. Bên cạnh đó, người bán lẻ thuốc có kỹ năng giao tiếp tốt cũng sẽ làm tăng mức độ hài lòng với khách hàng, nâng cao chất lượng tại nhà thuốc. Sau khi kết thúc chuyên đề này, học viên sẽ được cập nhật một số nội dung chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp trong thực hành tại nhà thuốc và ứng dụng vào để giải quyết một số tình huống cụ thể.

24. Ứng dụng Marketing Dược trong kinh doanh dược phẩm (Marketing Application to Promote Pharmacy Services).

Thời lượng: 10 giờ

Việc nhận thức đúng đắn về vai trò cũng như có những hiểu biết thực hành tốt trong lĩnh vực Marketing tại các cơ sở kinh doanh dược phẩm ngày càng trở nên quan trọng. Khoa học “Ứng dụng Marketing Dược trong kinh doanh dược phẩm” được thiết kế với mục tiêu cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về Marketing và Marketing dược, giúp học viên có thể ứng dụng hiệu quả Marketing vào hoạt động kinh doanh của cơ sở mình.

25. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và phát triển hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc (Applied Information Technology in Pharmacy Administration)

Thời lượng: 10 giờ

Việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ là một công cụ đắc lực trong việc ra quyết định, quản lý hiệu quả và thúc đẩy năng lực kinh doanh của nhà thuốc. Học phần này nhằm tư vấn cho người học về hoạt động quản lý hàng hóa, nhân viên, khách hàng/người bệnh tại nhà thuốc. Từ đó, đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ tại nhà thuốc.

26. Xây dựng danh mục tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng (Developing a List of Clinically Significant Drug-Drug Interactions in Healthcare Settings).

Thời lượng: 8 giờ

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp cơ bản để xây dựng danh mục tương tác đáng chú ý trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Sự hạn chế của phần mềm kê đơn điện tử khi đưa ra quá nhiều cảnh báo tương tác không cần thiết và tính không thống nhất giữa các tài liệu y văn tra cứu tương tác thuốc dẫn tới sự cần thiết xây dựng các danh mục tương tác thuốc đáng chú ý. Việc xây dựng danh mục tương tác thuốc đáng chú ý đã được tiến hành tại nhiều quốc gia trên thế giới và bước đầu được triển khai tại một số bệnh viện ở Việt Nam. Danh mục tương tác cần chú ý trong thực hành lâm sàng là một danh mục ngắn gọn các cặp tương tác nghiêm trọng hoặc phổ biến phù hợp với thực hành tại bệnh viện/khoa điều trị cùng hướng xử trí tương ứng kèm theo. Các tương tác này được chọn lọc dựa trên phương pháp tích hợp cả về lý thuyết lẫn thực hành tại bệnh viện, đồng thời, có sự tham gia của cả bác sĩ và dược sĩ để đánh giá toàn diện về các cặp tương tác trên lâm sàng. Chuyên đề tập trung chủ yếu vào thực hành và thảo luận, giúp học viên nắm rõ phương pháp để có thể triển khai hoạt động này phục vụ công tác dược lâm sàng tại bệnh viện. Danh mục tương tác thuốc được xây dựng có thể được thiết kế dưới dạng bảng cảnh báo và dán tại các khoa lâm sàng, đồng thời tích hợp vào phần hỗ trợ kê đơn trên hệ thống bệnh án điện tử tại bệnh viện. Dược sĩ lâm sàng cũng có thể cập nhật và bổ sung vào danh sách này dựa trên thực tế lâm sàng của bệnh viện và danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện theo từng năm.

27. Xử lý và phân tích báo cáo ADR tại cơ sở khám, chữa bệnh (Implementation of ADR Report Assessment in Healthcare Settings).

Thời lượng: 8 giờ

Chuyên đề này cung cấp cho học viên kiến thức về phản ứng có hại của thuốc (ADR) và các kỹ năng cơ bản để xử lý, phân tích các trường hợp ADR xảy ra tại các cơ sở khám chữa bệnh. Tham gia khóa học, học viên được tiếp cận các kiến thức lý thuyết và thực tiễn cập nhật các phương pháp phân loại, thẩm định, phân tích, đánh giá báo cáo ADR và quản lý các nguy cơ liên quan đến ADR. Các nội dung lý thuyết đều được minh họa bằng bài thực tập, các ca lâm sàng xuất phát từ các tình huống thực tế để học viên trực tiếp thực hành xử lý tình huống. Qua đó, học viên có thể hiểu, nhận thức đúng hơn và áp dụng tốt hơn vào quá trình giám sát ADR tại đơn vị mình công tác.

28. Giám sát tích cực phản ứng có hại của thuốc trong bệnh viện (Active Surveillance of Adverse Drug Reactions in Healthcare Settings).

Thời lượng: 8 giờ

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp cơ bản để giám sát tích cực phản ứng có hại của thuốc trong bệnh viện. Tại Việt Nam, hoạt động Cảnh giác Dược đang ngày một được chú trọng, đặc biệt là công tác giám sát ADR trong các cơ sở khám, chữa bệnh. Bên cạnh hệ thống báo cáo tự nguyện, với số lượng và chất lượng báo cáo ADR còn hạn chế thì việc triển khai các phương pháp giám sát chủ động sẽ thúc đẩy hoạt động này trong bệnh viện. Đồng thời nâng cao vai trò của dược sĩ lâm sàng trong hoạt động phát hiện và phòng tránh ADR trong bệnh viện cũng như nâng cao chất lượng điều trị bệnh nhân. Chuyên đề tập trung chủ yếu vào thực hành, giúp học viên nắm rõ các phương pháp để có thể triển khai hoạt động này phục vụ công tác dược lâm sàng tại bệnh viện. Các phương pháp giám sát tích cực ADR có thể lồng ghép vào hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện. Dược sĩ lâm sàng cũng có thể thông qua các phương pháp này để triển khai các nghiên cứu theo dõi, giám sát sử dụng thuốc, thúc đẩy hoạt động giám sát phản ứng có hại của thuốc trong bệnh viện.

29. Xây dựng bản tin thông tin thuốc trong bệnh viện (Developing a Bulletin of Drug Information in Hospitals).

Thời lượng: 8 giờ

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp cơ bản để xây dựng Bản tin thông tin thuốc trong bệnh viện. Bản tin thông tin thuốc là công cụ chia sẻ thông tin quan trọng, giúp cập nhật thông tin cho các cán bộ y tế về các vấn đề nổi bật cần được quan tâm trong bệnh viện, các quyết định liên quan đến hoạt động của bệnh viện từ cơ quan quản lý, kiến thức cập nhật về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, giảm thiểu sự xuất hiện và hậu quả của phản ứng có hại, hạn chế sai sót trong sử dụng thuốc, ... Việc xây dựng Bản tin thông tin thuốc đã được tiến hành tại rất nhiều bệnh viện trên thế giới và đang ngày càng nhận được sự quan tâm nhiều hơn của các bệnh viện trong nước. Nội dung của Bản tin thông tin thuốc cần được xây dựng dựa trên đặc thù của bệnh viện (ví dụ bệnh viện đa khoa/chuyên khoa) và các vấn đề bệnh viện đang quan tâm nhất trong thực hành. Chuyên đề tập trung chủ yếu vào thực hành và thảo luận, giúp học viên nắm rõ phương pháp để có thể triển khai hoạt động này phục vụ công tác dược lâm sàng tại bệnh viện. Bản tin thông tin thuốc có thể được phát hành hàng tuần/tháng/quý, dưới dạng bản điện tử chia sẻ trực tuyến cho các cán bộ y tế trong bệnh viện và/hoặc bản in gửi đến các khoa phòng hay gắn ở bảng tin của bệnh viện.

30. Một số vấn đề mới về thực hành Cảnh giác Dược và Dược lâm sàng tại bệnh viện (Updates on Pharmacovigilance and Clinical Pharmacy in Practice).

Thời lượng: 8 giờ

Chuyên đề này cung cấp cho học viên các kiến thức cập nhật về thông tin thuốc và các hoạt động Dược lâm sàng tại bệnh viện, kỹ năng và cách thức triển khai hoạt động Cảnh giác Dược để giám sát ADR tại bệnh viện lồng ghép vào hoạt động dược lâm sàng và áp dụng các kiến thức được tập huấn nhằm phục vụ công tác dược lâm sàng tại đơn vị mà học viên đang công tác. Các nội dung lý thuyết cũng được minh họa thông qua một số ca lâm sàng xuất phát từ các tình huống thực tế. Qua đó, học viên có thể hiểu, nhận thức đúng hơn và áp dụng tốt hơn trong điều kiện thực tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh./.